TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 448/2019/HS-PT
Ngày: 16/10/2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Văn Liệt.

2. Ông Đặng Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Phan Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 364/2019/HSPT ngày 29/8/2019 đối với bị cáo Trịnh Hữu V do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 86/2019/HSST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Trịnh Hữu V, sinh năm 1989; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: 01 Đường số 10 (nay là đường NVK), Phường 8, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân A và bà Nguyễn Thị B; vợ, con: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

- Nhân thân: Từ tháng 02/2008 đến tháng 9/2010, là Công dân phục vụ có thời hạn tại Phòng Chiến sĩ bảo vệ Công an Thành phố Hồ Chí Minh; từ tháng 9/2010 đến tháng 8/2015, là sinh viên trường Đại học Cảnh sát nhân dân; từ tháng 8/2015 đến tháng 8/2016, công tác tại Công an quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; từ tháng 8/2016 đến 24/12/2018, Công tác tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh; đến ngày 24/12/2018, bị Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 10/QĐ-CATP-PX01 tước danh hiệu Công an nhân dân; và ngày 07/01/2019, bị khai trừ ra khỏi Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

+Người bị hại: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1968; cư trú: số 02 TC, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+Người làm chứng:

1. Anh Lê Phan Trọng N, sinh năm 1989; trú tại: 03 LVS, phường 12, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 04 VL, phường PTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990; trú tại: 05 HVT, phường 2, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 06 LT, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Anh Thạch Trần K, sinh năm 1987; trú tại: 06 Đường 53, phường TQ, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 07 CH, phường 13, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Hữu V và Trần Thạch K, Nguyễn Phan Trọng N, Nguyễn Đức T và Trần Đình H là bạn quen nhau từ trước. Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 06/7/2007, cả nhóm rủ nhau đi chơi. T điều khiển xe máy biển số 51F7-5188 chở N, V điều khiển xe máy biển số 51R3-5095 chở H, còn K điều khiển xe máy biển số 53R9-8356 đi một mình. Khi cả nhóm đi tới gần nhà số 08 TSN, phường TSN, quận Tân Phú thì K phát hiện anh Nguyễn Ảnh Anh chở anh Trần Thanh P đang sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia 6680 nên K nói T chạy lên để N giật điện thoại nhưng T không đồng ý. Lúc này, K kêu cả nhóm dừng xe lại để K đưa xe gắn máy biển số 53R9-8356 cho H điều khiển. K phân công V chở K để K ngồi sau giật điện thoại, còn T chở N chạy sau có nhiệm vụ cản địa thì V, T và N đồng ý.

V chở K chạy áp sát từ phía sau bên phải anh P để K giật được điện thoại tại trước số nhà 08 TSN, phường TSN, quận Tân Phú rồi tăng ga bỏ chạy. Anh P tri hô và cùng anh Nguyễn Ảnh Anh chạy đuổi theo thì bị T và N cản đầu xe. Anh Nguyễn Ảnh Anh đuổi theo T và N tới ngã ba Âu Cơ – Nguyễn Văn Săng, quận Tân Phú thì bắt được T và N. Còn V và K chạy thoát. Sau đó, N gọi điện thoại nói K trả lại điện thoại nên V chở K đến Bưu điện Bà Quẹo. V dừng xe bên đường để K đi bộ qua trả điện thoại vừa giật được cho chị Nguyễn Thị Ánh Liễu (vợ anh P). Khi trả xong thấy có lực lượng công an đến nên K và V chạy trốn.

Ngày 16/10/2007, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Phú ra Quyết định khởi tố bị can đối với Trịnh Hữu V nhưng V đã bỏ trốn khỏi địa P nơi cư trú. Ngày 18/01/2008, Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã đối với Trịnh Hữu V về tội "Cướp giật tài sản". Đến ngày 21/12/2018, Trịnh Hữu V đến Công an quận Tân Phú đầu thú.

Đối với Nguyễn Phan Trọng N, Nguyễn Đức T, ngày 31/3/2008 đã bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo (tại bản án hình sự sơ thẩm số 75/2008/HSST); Trần Thạch K đã bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù tại bản án số 64/2009/HSST ngày 03/3/2009. Riêng đối với Trần Đình H không liên quan đến hành vi "Cướp giật tài sản" nên Cơ quan điều tra không đưa vào diện xử lý.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 82/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 20/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Tân Phú, kết luận: 01 điện thoại di động Nokia 6680 trị giá 3.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 86/2019/HSST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuyên bố bị cáo Trịnh Hữu V phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Trịnh Hữu V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo Trịnh Hữu V chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trịnh Hữu V.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2019, bị cáo Trịnh Hữu V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo Trịnh Hữu V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin xem xét hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính và không biết mình bị truy nã cho đến khi biết do lãnh đạo đơn vị công tác thông báo thì bị cáo đã ra đầu thú.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả nguy hiểm cho xã hội; cũng như các tình tiết định khung và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Trịnh Hữu V về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có cơ sở pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trịnh Hữu V kháng cáo trong thời gian luật định và hợp lệ nên cần được xem xét. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm có nhận định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo mức án 03 (ba) năm 06 (sáu) năm tù là thỏa đáng. Bị cáo Trịnh Hữu V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ gì mới và không đủ điều kiện để được xem xét cho hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Hữu V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận bổ sung, chỉ nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt vì đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và rất hối hận, mong muốn được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo một cơ hội sửa chữa làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Hữu V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của minh cùng đồng phạm như nội dung bản án sơ thẩm, phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và các tài liệu, chứng cứ: biên bản về việc người phạm tội ra đầu thú, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của Trần Thạch K, Nguyễn Phan Trọng N và Nguyễn Đức T (là bị can trong cùng vụ án đã bị xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật), lời khai người bị hại; cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 12h00’ ngày 06/7/2007, bị cáo Trịnh Hữu V cùng Trần Thạch K, Nguyễn Phan Trọng N và Nguyễn Đức T đã rủ rê, phân công và cùng nhau sử dụng xe máy làm P tiện di chuyển để chở nhau bất ngờ áp sát, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6680 của anh Trần Thanh P đang ngồi sau xe dừng bên lề đường do anh Nguyễn A chở, rồi tăng ga phóng nhanh để tẩu thoát; tại trước nhà số 08 TSN, phường TSN, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét khi phạm tội, bị cáo Trịnh Hữu V cùng đồng phạm đã sử dụng xe gắn máy có phân khối lớn làm P tiện di chuyển để bất ngờ áp sát, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của người bị hại, rồi tăng ga phóng nhanh để tẩu thoát; đe dọa đến sự an toàn về tính mạng, sức khỏe của bị hại và người tham gia giao thông; nên đã phạm tội thuộc trường hợp *“sử dụng thủ đoạn nguy hiểm”* theo quy định tại Mục I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLL-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 15/12/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao; là tình tiết định khung trách nhiệm hình sự.

Tài sản bị cáo Trịnh Hữu V cùng đồng phạm chiếm đoạt :

- Tại các bản án hình sự sơ thẩm số 75/2008/HSST ngày 31/3/2008 và số 64/2009/HSST ngày 03/3/2009 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực pháp luật), xác định 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6680 trị giá 2.000.000 đồng.

- Theo bản kết luận định giá tài sản số 82/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 20/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Tân Phú, kết luận: 01 điện thoại di động Nokia 6680 trị giá 3.000.000 đồng.

Như vậy, với trị giá tài sản chiếm đoạt và hành vi của bị cáo nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trịnh Hữu V phạm tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Hành vi phạm tội của bị cáo và đồng phạm là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản và đe dọa đến sự an toàn về sức khỏe của người bị hại, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa P. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng với động cơ vụ lợi bất chính muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động vẫn cố ý phạm tội.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/7/2019, bị cáo Trịnh Hữu V có đơn kháng cáo là làm trong thời hạn luật định và hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tại phiên tòa sơ thẩm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị cáo đã ra đầu thú và được tặng nhiều giấy khen trong quá trình công tác; theo quy định tại các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Để xử phạt bị cáo Trịnh Hữu V mức án 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù là thỏa đáng, phù hợp với quy định của pháp luật về mức hình phạt tại Điều luật và khung hình phạt bị áp dụng.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp thẩm đã xem xét nêu trên: trong thời gian trốn truy nã (ngày 18/01/2017, Cơ quan CSĐT Công an Quận TP ra Quyết định truy nã đối với Trịnh Hữu V) thì từ tháng 02/2008 đến tháng 9/2010, bị cáo phục vụ có thời hạn tại Phòng Chiến sĩ bảo vệ Công an Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó được tuyển dụng vào ngành Công an (học tập tại trường Đại học Cảnh sát nhân dân, rồi công tác Công an quận Bình Thạnh và Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh). Mặc dù có sự thiếu sót của các cá nhân, đơn vị có trách nhiệm trong việc truy nã cũng như xác minh lý lịch để tuyển quân và tuyển dụng bị cáo vào lực lượng Công an nhân dân; nhưng theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần xem xét quá trình bị cáo đã phục vụ có thời hạn và thời gian công tác nêu trên, đã có những thành tích nhất định trong công tác "đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự" được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp giấy khen, bằng khen các loại; ngoài ra, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế có cha mẹ đã lớn tuổi, bị cáo là lao động chính; là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần được xem xét.

Xét về tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo Trịnh Hữu V: Vụ án xảy ra đã lâu, khi phạm tội bị cáo mới bước qua 18 tuổi còn nông nổi, nhất thời phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo với vai trò đồng phạm; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng tại khung hình phạt liền kề đã có tác dụng của hình phạt đối với bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh phòng ngừa chung; thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trịnh Hữu V là không có cơ sở để được chấp nhận, bởi lẽ: bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, sau khi phạm tội đã bỏ trốn và bị truy nã; nên không đủ điều kiện để được xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Trịnh Hữu V.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo Trịnh Hữu V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trịnh Hữu V và sửa bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 1015(đã sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: bị cáo Trịnh Hữu V 02 (hai) năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt bị cáo đi thi hành án.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

N□i nh□n:
- TAND TC; (1)
- TAND C□p Cao t□i TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND qu□n Th Ph; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- B□ cg; (1)
- S□ T□ phg (1)
- THA qu□n Th Ph; (2)
- TAND qu□n Th Ph; (2)
- Czng an qu□n Th Ph; (1)
- UBND n□i b□ cg c□ tr; (2)
- L□u: VT, THS, h□ s□; (26) (4)

TM. H□I □□NG X̉T X□ PH̉C TH□M
TH□M PH̃N – CH□ T□A PHĬN TỊA

Nguy□n Tu□n Anh